

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 - 08 - 2024  
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình -  
Ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Hòa
- Ông Lê Văn Hoàng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2024/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị Bích N**, sinh năm 1991. (Có mặt)

Địa chỉ: **ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.**

- Bị đơn: Anh **Lê Ngọc P**, sinh năm 1987. (Vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Trịnh Thị Bích N** trình bày: Chị **N** và anh **P** chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu

vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Anh, chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2023. Không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 02 người con chung Lê Ngọc K, sinh ngày 26/11/2010 và Lê Khánh L, sinh 25/8/2015 hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để làm việc nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do chính đáng nên không ghi được ý kiến của anh P và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trịnh Thị Bích N làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh Lê Ngọc P; anh P có địa chỉ ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Phương thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ để dự phiên Tòa, nhưng anh P vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh P.

[2] Về nội dung: Chị N và anh P sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị N và anh P chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vã, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, chị N và anh P đã không còn sống chung từ năm 2023, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

không thể tiếp tục hàn gắn và chung sống nên chị **N** yêu cầu ly hôn với anh **P**. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, đã tạo điều kiện cho các bên hàn gắn nhưng anh **P** đều không đến, điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **P** mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **N**.

Về con chung: Có 02 người con chung **Lê Ngọc K**, sinh ngày 26/11/2010 và **Lê Khánh L**, sinh 25/8/2015 hiện đang sống với chị **N**. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của chị **N** thì thấy: Hiện nay con chung đang sống với chị **N** được chị **N** chăm sóc nuôi dưỡng tốt, do đó nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị **N**, giao con chung cho chị **N** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và **G**, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: chị **N** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trịnh Thị Bích N**.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị Bích N** được ly hôn với anh **Lê Ngọc P**.

Về con chung: Giao 02 người con chung **Lê Ngọc K**, sinh ngày 26/11/2010 và **Lê Khánh L**, sinh 25/8/2015 cho chị **N** tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng. Anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con

Anh **P** không trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung nhưng được quyền đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh **P** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị **N** xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ sống chung thì chị **N** và anh **P** vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị **Trịnh Thị Bích N** phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0013870 ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- **UBND xã Vĩnh Chánh;**
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Thu Hằng**